

## LUẬN KIM CANG BÁT-NHÃ

Tác giả: Bồ-tát Vô Trước

Hán dịch: Đời Tùy, Tam tạng Pháp sư Đạt Ma Cấp Đa

### QUYỂN TRUNG

**Kinh nói:** “Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Người Tu-đà-hoàn có thể nghĩ như vậy

Ta đã được quả Tu-đà-hoàn chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn, không!

Tại sao? Vì thật không có pháp nào, gọi là Tu-đà-hoàn cả. Không đi vào Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp, đó gọi là Tu-đà-hoàn.

Phật bảo Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Người Tư-đà-hàm có thể nghĩ như vậy: Ta đã được quả Tư-đà-hàm chăng? Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn, không!

Tại sao? Vì thật không có pháp nào, gọi là Tư-đà-hàm, đó gọi là Tư-đà-hàm.

Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Người A-na-hàm có thể nghĩ như vậy: Ta đã được quả A-na-hàm chăng? Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn, không!

Tại sao? Vì thật không có pháp nào, gọi là A-na-hàm, đó gọi là A-na-hàm.

Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Người A-la-hán có thể nghĩ như vậy: Ta đã được quả A-la-hán chăng? Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn, không!

Tại sao? Vì thật không có pháp nào, gọi là A-la-hán. Bạch Thế Tôn! Nếu A-la-hán nghĩ: Ta đã được quả A-la-hán, tức là dính mắc vào ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Bạch Thế Tôn! Ngài đã nói, con được Tam muội Vô tránh, là bậc cao nhất, Ngài nói con là A-la-hán lìa dục. Bạch Thế Tôn! Nếu con nghĩ con đã được A-la-hán thì Thế Tôn không ghi nhận con là hạnh Vô tránh bậc nhất. Do thật sự Tu-bồ-đề không có làm gì (không hoạt động phân biệt...), nên mới gọi là Tu-bồ-đề Vô tránh, có hạnh Vô tránh.

Luận rằng:

Đây là môn thứ năm: Tu đạo đạt thù thắng mà không kiêu mạn. Như trước đã nói gọn, là có tám thứ Trụ xứ, sau đây có mười hai thứ, gọi chung, là Trụ xứ Lià chướng ngại, đối trị với mười hai thứ chướng ngại, nên biết. Đó là:

1. Kiêu mạn.
2. Không kiêu mạn, nhưng học ít.
3. Học rộng nhưng ít nường vào học, suy nghĩ tu đạo.
4. Suy nghĩ tu đạo không ít; nhưng lại lià bỏ chúng sinh.
5. Không lià bỏ chúng sinh, nhưng ham chạy theo những luận bàn loạn động của ngoại đạo.
6. Duy không loạn động, nhưng trong việc phá bỏ tướng ảnh tượng lại không có phương tiện khéo léo.
7. Tuy có phương tiện khéo léo, nhưng hành trang phước không đầy đủ.
8. Tuy đầy đủ hành trang vốn phước, nhưng biếng nhác, ham lợi dưỡng.
9. Tuy xa lià biếng nhác, lợi dưỡng; nhưng không có khả năng chịu khổ.
10. Tuy có khả năng chịu khổ, nhưng không đầy đủ hành trang (tư lương) trí tuệ.
11. Tuy đầy đủ hành trang vốn trí tuệ, nhưng bản thân không giữ lấy.
12. Tuy tự giữ lấy, nhưng không có sự truyền dạy.

Để trừ kiêu mạn, kinh nói: Người “Tu-đà-hoàn có thể nghĩ như vậy: Ta được quả Tu-đà-hoàn không”? Đây là nường vào nghĩa, chỉ rõ cách đối trị Ta có kiêu mạn. Còn câu: “Tu-đà-hoàn có thể nghĩ như vậy”; đó là thuyết về tướng, chỉ rõ không kiêu mạn, cũng là Dục và Nguyện nhiếp giữ.

**Kinh nói:** “Bạch Thế Tôn! Thật không có pháp nào... Không bước vào sắc, thanh, hương, vị, xúc”, đây là an lập Đệ nhất nghĩa.

Nếu người Tu-đà-hoàn nghĩ: Ta được quả Tu-đà-hoàn, tức là đã có tướng về ngã. Có tướng về ngã, là có kiêu mạn. Nên biết như vậy, cho đến A-la-hán cũng thế.

Tu-bồ-đề, tự làm sáng tỏ hạnh Vô tránh bậc nhất và A-la-hán lià dục, cùng có công đức: Đây là đem những gì mình đã chứng, khiến người ta tin tưởng. Vì không có pháp nào để được A-la-hán và không có chỗ nào để thực hành cả.

Nói “Vô tránh, Hạnh Vô tránh”, thì trong ấy đã an lập Đệ nhất

nghĩa.

**Kinh nói:** Phật bảo: “Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Xưa, Như Lai ở chỗ Phật Nhiên Đăng, có pháp gì, để được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác sao? Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn: Không có. Như Lai ở chỗ Phật Nhiên Đăng, đối với pháp, thật không có cái gì để được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cả.

**Luận rằng:**

Đây là môn thứ sáu: Không rời khỏi Phật khi Ngài ra đời.

Căn cứ vào mười hai thứ chướng ngại cần lìa xa thì đây là lìa bỏ chướng ngại ít học. Kinh nói: “Thuở xưa, ở chỗ Phật Nhiên Đăng, Như Lai có pháp nào để được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không”? v.v... nghĩa là khi Phật ra đời, thì thờ phụng cúng dường, có pháp có thể giữ lấy vì lìa bỏ sự phân biệt ấy nên nương vào nghĩa và đối trị, v.v... tùy theo nghĩa tương ứng mà hiểu.

**Kinh nói:** Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát nói như vậy: Ta đang trang nghiêm cõi nước Phật, thì Bồ-tát ấy nói lời không thật. Vì sao? Nay Tu-bồ-đề! Như Lai nói trang nghiêm cõi nước Phật, tức chẳng phải là trang nghiêm, ấy gọi là trang nghiêm cõi nước Phật. Do vậy, Tu-bồ-đề! Các đại Bồ-tát nên sanh tâm thanh tịnh như vậy mà vô sở trụ, (không trụ vào đối tượng nào), không để tâm trụ vào sắc, không để tâm trụ vào thanh, hương, vị, xúc, pháp. Nên vô sở trụ mà sinh tâm.

**Luận rằng:**

Đây là môn thứ bảy: Nguyện làm thanh tịnh cõi Phật.

Căn cứ vào mười hai chướng ngại cần lìa bỏ thì đây là sự lìa bỏ chướng ngại ít suy nghĩ tu đạo.

**Kinh nói:** “Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát nói: Ta trang nghiêm cõi nước Phật v.v...” Nếu nghĩ mình trang nghiêm thanh tịnh cõi nước, thì đối với sắc v.v... ắt sanh các sự phân biệt, tạo thành vương mắc vào vị của nó.

Để lìa bỏ chướng ngại, kinh nói: “Cho nên Tu-bồ-đề! Các đại Bồ-tát, nên sinh tâm thanh tịnh như thế, mà vô sở trụ. Không trụ vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp v.v....

**Kinh nói:** “Tu-bồ-đề! Nếu có người thân như núi chúa Tu-di. Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Thân ấy có lớn chăng?”

Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn: Rất lớn. Vì sao? Phật nói: Chẳng phải thân, đó gọi là thân lớn. Thân ấy, không phải là thân, đó gọi là thân lớn.

**Luận rằng:**

Đây là môn thứ tám: Vì thành thực cho chúng sinh.

Căn cứ vào mười hai thứ chướng ngại cần lia bỏ, thì đây là lia chướng ngại: bỏ chúng sinh.

**Kinh nói:** “Tu-bồ-đề! Như có người, thân như núi chúa Tu-di. v.v...” Đây muốn chỉ rõ điều gì? Là muốn thành thực chúng sinh trong cõi Dục, để họ hiểu: Các vua La Hầu, A-tu-la đều có thân hình lớn như núi Tu-di, còn không nên thấy tự thể của họ huống chi là những kẻ khác.

**Kinh nói:** “Như Lai nói: Là không phải thể” ấy là chỉ rõ pháp Vô ngã. “Thể ấy chẳng phải là thể”. Câu đó chỉ rõ thể của pháp là vô minh, vô tác. Đây là làm sáng tỏ tự tính, tướng và những sai khác.

**Kinh nói:** “Phật bảo Tu-bồ-đề: Hết thấy số cát trong sông Hằng và có bao nhiêu sông Hằng có cát như vậy, thầy nghĩ sao? Hết thấy số cát của những sông Hằng ấy, có nhiều không?”

Tu-bồ-đề thưa Phật: Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Chỉ sông Hằng thôi, đã nhiều vô số, huống là những số cát trong những sông Hằng ấy.

Phật bảo: “Tu-bồ-đề! Ta nay dùng lời thật nói với thầy: Nếu có thiện nam, thiện nữ, lấy bảy báu, có đầy khắp trong các thế giới, nhiều như cát sông Hằng, đem bảy báu ấy cúng dường chư Phật, Như Lai. Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Thiện nam, thiện nữ ấy có phước nhiều không?”

Tu-bồ-đề thưa: Dạ nhiều. Thiện nam, thiện nữ, ấy đặng phước rất nhiều.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Những thiện nam, thiện nữ, lấy bảy báu đầy khắp thế giới, nhiều như cát của những sông Hằng, bố thí, nhưng nếu có thiện nam thiện nữ ấy, đối với pháp môn này chỉ thọ trì bốn câu kệ, hoặc nói cho kẻ khác nghe, thì phước đức nhiều hơn phước kia vô lượng A tăng kì.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Nếu nơi nào có nói pháp môn này, cho đến chỉ bốn câu kệ v.v... thì nên biết, nơi ấy, hết thấy Trời, Người, A-tu-la đều cúng dường như cúng dường tháp miếu Phật; huống là người có đọc tụng, thọ trì hết cả kinh này. Nay, Tu-bồ-đề! Nên biết người ấy đã thành tựu việc hiếm có cao tột thứ nhất. Nếu kinh điển này ở đâu, thì nơi ấy có Phật, hoặc có những bậc đáng tôn trọng như Phật.

Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật: Thưa Thế Tôn! Pháp môn này tên gì? Chúng con nên tụng trì như thế nào?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Pháp môn này tên Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật. Ông nên tụng trì theo tên gọi ấy. Vì sao? Nay Tu-bồ-đề! Phật nói Bát-nhã Ba-la-mật tức chẳng phải là Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Như Lai có nói pháp không?

Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn! Như Lai không hề nói pháp.

**Luận rằng:**

Đây là môn thứ chín: Liả bỏ việc ham chạy theo những luận bàn tán loạn của ngoại đạo.

Căn cứ vào mười hai điều chướng ngại cần liả xa, thì đây là liả bỏ chướng ngại: Ưa thích bên ngoài, liả tán loạn. Kinh nói có bốn thứ nhân duyên, chỉ rõ pháp này là khác biệt hơn hết:

1. Thân lấy phước đức.
2. Các Trời cúng dường.
3. Khó làm.
4. Khởi lên ý nghĩ như Như Lai v.v...

**Kinh nói:** “Này Tu-bồ-đề! Hết thủy số cát trong sông Hằng v.v...” là thân lấy phước đức.

**Kinh nói:** “Này Tu-bồ-đề! Tùy nơi nào có nói pháp môn này v.v...” là được Trời cúng dường.

**Kinh nói:** “Này Tu-bồ-đề! Nên biết, người ấy đã tạo nên việc hiểm có tối thượng bậc nhất”. Đó là khó làm.

**Kinh nói:** “Nếu nơi đâu có kinh này...” Đây là khởi lên ý nghĩ như Như Lai.

Trong đó, “nói” là nói trực tiếp, cho kẻ khác nghe. Còn “thọ” là chỉ bảo cho người khác. Đây là sự chỉ rõ cách đối trị việc ham chạy theo những bàn luận rối loạn của ngoại đạo.

Ở trong pháp hoặc khởi chấp như ngôn thuyết, như nghĩa; vì đối trị tội như thế ở vị lai; nên kinh nói: “Phật nói Bát-nhã Ba-la-mật, tức chẳng phải Bát-nhã Ba-la-mật”. Như Bát-nhã Ba-la-mật mà chẳng phải Ba-la-mật. Như vậy, cũng không có pháp nào khác để Như Lai nói cả, là làm sáng tỏ nghĩa này.

**Kinh nói:** “Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Như Lai có nói pháp không?...” Đây chỉ rõ tự tướng và tướng bình đẳng pháp môn Đệ nhất nghĩa này.

**Kinh nói:** “Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Hết thủy vi trần trong ba ngàn đại thiên thế giới, có nhiều không?”

Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn! Số vi trần ấy rất nhiều.

- Này Tu-bồ-đề! Các vi trần mà Như Lai nói, không phải là vi trần, đó gọi là vi trần. Như Lai nói: Các thế giới, không phải là thế giới, đó gọi là thế giới.

**Luận rằng:**

Đây là môn thứ mười: Quán tưởng phá các hành tương ứng trong

việc chấp lấy sắc và thân chúng sinh.

Căn cứ vào mười hai chương ngại cần lìa xa thì đây là lìa bỏ chương ngại : Không có phương tiện thiện xảo trong phá trừ tướng ảnh tượng tự tại.

**Kinh nói:** “Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Hết thấy vi trần trong ba ngàn đại thiên thế giới...” thì đó là nói nhiều không thể hạn lượng, tính đếm... Bồ-tát luôn duyên vào thế giới nhiều không hạn lượng ấy, tác ý tu tập. Cho nên nói “ba ngàn đại thiên thế giới”. Vì phá tướng ảnh tượng của sắc thân, nên đây chỉ rõ hai thứ phương tiện:

1. Phương tiện Vi tế. Như là nói “số vi trần trong ba ngàn đại thiên thế giới, có nhiều không v.v...”

2. Phương tiện Bát niệm. Như kinh nói: “Các vi trần ấy, Như Lai nói không phải là vi trần, ấy gọi là vi trần...”

Đấy là để phá tan tướng ảnh tượng của thân chúng sinh.

**Kinh nói:** Như Lai nói thế giới, chẳng phải là thế giới, đó gọi là thế giới, “Thế giới là chỉ thế giới của chúng sinh, chỉ lấy danh thân, đặt tên gọi là thế giới chúng sinh. Phương tiện Bát niệm danh thân tức đã rõ. Tướng nơi ảnh tượng ấy không cần nói lại phương tiện vi tế lại nữa.

**Kinh nói:** “Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Có nên nhìn Như Lai bằng ba mươi hai tướng của bậc đại nhân không?”

Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn: Không. Vì sao? Như Lai nói ba mươi hai tướng của bậc đại nhân, tức chẳng phải tướng, đó gọi là ba mươi hai tướng của bậc đại nhân.

**Luận rằng:**

Đây là môn thứ mười một: Nói rõ việc hầu hạ, cúng dường Như Lai.

Căn cứ vào mười hai điều chương ngại cần lìa xa, thì đây là lìa bỏ chương ngại không có hành trang phước đức.

**Kinh nói:** “Ông nghĩ sao? Có nên nhìn Như Lai bằng ba mươi hai tướng của bậc đại nhân chăng”? Đây chỉ rõ vốn (tư lương) phước đức. Khi gần gũi cúng dường Như Lai thì không nên nhìn Như Lai, bằng tướng thành tựu. Vậy thì nhìn như thế nào? –Nên nhìn bằng pháp thân Đệ nhất nghĩa.

**Kinh nói:** Phật bảo Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào, đem thân mạng, nhiều như cát sông Hằng, mà bố thí... Nếu có người khác, chỉ thọ trì bốn câu kệ và nói cho kẻ khác biết về pháp môn ấy; thì phước của người đó nhiều vô lượng A tăng kì.

Bấy giờ nghe nói về kinh này, Tu-bồ-đề đã hiểu tận nghĩa sâu, nên tử thân, xúc động rơi lệ. Ngài gạt nước mắt, thưa với Phật: Thật hi hữu thay, đấng Thế Tôn! Thật hi hữu thay, đấng Tu-già-đà! Phật nói pháp môn sâu thẳm như vậy, mà con, từ khi được tuệ nhãn đến giờ, chưa từng được nghe pháp môn này. Vì sao? Vì Phật nói Bát-nhã Ba-la-mật tức chẳng phải Bát-nhã Ba-la-mật.

Bạch Thế Tôn: Nếu có ai, được nghe kinh này, với lòng tin thanh tịnh, phát sinh được thật tướng, thì phải biết kẻ ấy, đã thành tựu công đức hiếm có vào bậc nhất.

Thưa Thế Tôn: Thật tướng đó, tức chẳng phải tướng, cho nên Như Lai nói gọi là thật tướng. Thật tướng đó, thưa Thế Tôn! Ngày nay con mới được nghe, biết pháp môn này, hiểu sâu thọ trì, thấy không đến nỗi khó lắm. Nếu mai sau, có chúng sinh nào được nghe pháp môn này, mà tin hiểu, thọ trì thì người ấy, quả là hiếm có vào bậc nhất. Vì sao? Do người này không có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả. Tại sao? Vì tướng ngã tức chẳng phải tướng và tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả cũng chẳng phải tướng. Vì sao? Vì khi lìa hết thấy tướng thì đó là chư Phật.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy! Đúng vậy! Nếu ai nghe được kinh này mà không kinh không sợ, không khiếp phải biết, người ấy rất hiếm có! Vì sao? Đây Tu-bồ-đề! Như Lai nói đệ nhất Ba-la-mật, tức chẳng phải đệ nhất Ba-la-mật.

Như Lai nói đệ nhất Ba-la-mật ấy, thì vô lượng chư Phật cũng nói Ba-la-mật, ấy gọi là Ba-la-mật bậc nhất”.

**Luận rằng:**

Đây là môn thứ mười hai: Lìa bỏ lợi dưỡng, biếng nhác bực bội; không chịu siêng năng, còn lui sụt, mất mát, lằm lổ.

Căn cứ vào mười hai chương ngại cần lìa xa, thì đây là lìa chương ngại biếng nhác, cầu lợi dưỡng, ham vui.

**Kinh nói:** “Này Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam thiện nữ nào, đem thân mạng, nhiều như cát sông Hằng, mà bố thí ...” Trong đó, thân mỗi một tâm có buồn rầu, bực bội. Đem hai thứ đó đối với tinh tấn kia thì những kẻ ấy hoặc lui sụt, hoặc không tiến lên được. Ở đây muốn chỉ điều gì? Ấy là sự xả bỏ bao nhiêu thân mạng kia mà phước đức tự có lại không bằng phước đức này. Vì sao có một thân mà ham mê biếng nhác bị chương ngại.

Tại sao Tu-bồ-đề rơi lệ, mà nói: “Con chưa từng được nghe pháp môn này...” Vì nghe pháp môn này, thì phước thù thắng, vượt hơn rất

nhiều phước xả bỏ vô lượng thân mạng kia ; lại không thể nói phước thù thắng nào khác. Nếu nghe phước thù thắng như thế, phát khởi tin tấn rồi, đối với pháp môn này, phát sinh tưởng chấp như nghĩa vì tránh lỗi lầm này.

**Kinh nói:** “Nếu ai nghe kinh này, sinh lòng tin thanh tịnh, thì sinh được thật tướng. Nên biết, người ấy đã thành tựu công đức hiếm có vào bậc nhất” tức là trong thật tướng như thế. Lại vì sự phân biệt về thật tướng nên kinh nói: “Thật tướng ấy tức chẳng phải thật tướng...”

**Kinh nói:** “Bạch Thế Tôn! Ngày nay con được nghe pháp môn này, mà tin hiểu, thọ trì, không khó lắm. Nếu mai sau, có chúng sinh nào được nghe pháp môn này, tin hiểu, thọ trì, thì người ấy, là hiếm có vào bậc nhất. v.v...” Câu này có nghĩa gì? Là chỉ các Bồ-tát, ham vị lợi dưỡng, biếng nhác phát sinh hổ thẹn. Vào thời vị lai, khi chánh pháp sắp tàn, nhưng vẫn còn có Bồ-tát, thọ trì pháp môn này, không chấp ngã, chấp pháp... thì tại sao lúc này, chánh pháp còn hưng thịnh mà các thầy lại lơ là tu hành, chẳng phải là hổ thẹn lắm sao!!

**Kinh nói:** “Người này, không có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả”. Đây là không chấp nhân.

Ngã tướng tức phi tướng v.v... Đây là chỉ rõ không chấp pháp.

**Kinh nói:** “Tại sao? Vì lìa hết thấy tướng, gọi là chư Phật”? Đây là chỉ rõ tướng Bồ-tát thuận học. Chư Phật, Thế Tôn đều buông lìa cả thấy tướng, nên chúng ta cũng phải tu tập như thế. Những câu kinh này nói, nhằm giúp tinh tấn, trừ biếng nhác. Trong kinh nói: “Nếu phân biệt, tin, hiểu”. Tức là câu sau giải thích cho câu trước. Thọ là nhận biết chữ, nghĩa, Trì là ghi nhớ nghĩa.

Để giúp lìa bỏ chướng ngại, không chịu phát khởi sự siêng năng, kinh nói: “Nếu có người nghe kinh này, mà không kinh, không khiếp, không sợ v.v...” vì nếu kinh-sợ-khiếp thì không phát khởi sự tinh tấn.

Đối với hàng Thanh văn, thì Phật nói có pháp và có không. Khi nghe kinh này, không có pháp, thì họ kinh hãi. Rồi nghe không, cũng không có, họ càng sợ, rồi suy nghĩ cả hai đều không có, thấy không tương ứng với lí, nên họ càng sợ hãi hơn. Lại có giải thích khác cả ba thứ ấy đều không tự tính, vì tướng sinh Đệ nhất nghĩa, thì làm gì có tự tính?!

**Kinh nói:** “Vì sao ? Nay Tu-bồ-đề! Như Lai nói đệ nhất Ba-la-mật không phải là đệ nhất Ba-la-mật” Câu ấy có nghĩa gì? Lại nói thêm lần thứ hai để sinh hổ thẹn. Nói pháp này là cao tột nhất như vậy, các quý ông chớ có buông lung. Vì Ba-la-mật này, tuyệt diệu hơn hết các Ba-la-



mật, đó gọi là đệ nhất Ba-la-mật.

Lại nữa, kinh nói: “Như Lai nói đệ nhất Ba-la-mật này, thì vô lượng chư Phật, cũng nói Ba-la-mật này”. Câu ấy, chỉ rõ hết thủy chư Phật, đồng nói pháp đệ nhất. Cho nên gọi là đệ nhất.

**Kinh nói:** Này Tu-bồ-đề! Như Lai nói Nhẫn nhục Ba-la-mật tức chẳng phải nhẫn nhục Ba-la-mật. Tại sao? Này Tu-bồ-đề! Như thuở xưa ta bị vua Ca Lợi chặt rời thân thể, ngay khi ấy, ta không có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả, không có tướng cũng chẳng phải là không có tướng. Tại sao? Này, Tu-bồ-đề! Khi xưa ấy, khi thân ta lìa ra làm nhiều mảnh, nếu ta có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả thì ắt phải nổi giận. Này, Tu-bồ-đề! Ta lại nhớ thời quá khứ, trải qua năm trăm đời, làm vị tiên tu nhẫn nhục. Trong những đời ấy, ta vẫn không có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả. Do vậy, này Tu-bồ-đề! Các Bồ-tát nên lìa hết thủy tướng, khi phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tại sao? Vì nếu tâm có chỗ trụ, thì đó là chẳng phải trụ. Không nên trụ vào sắc mà sanh tâm, không nên trụ vào thanh, hương, vị, xúc, pháp mà sanh tâm. Chớ trụ vào đâu cả mà phát sinh tâm. Cho nên, Phật nói: Khi bố thí Bồ-tát không để tâm trụ vào sắc.

Này Tu-bồ-đề! Vì lợi ích cho toàn thể chúng sinh, Bồ-tát bố thí nên bố thí như thế.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn! Hết thủy tướng chúng sinh tức chẳng phải tướng. Tại sao? Vì Như Lai nói hết thủy chúng sinh tức chẳng phải chúng sinh.

Này Tu-bồ-đề! Như Lai nói lời Chân, lời thật, lời Như, lời không thay đổi. Này Tu-bồ-đề! Pháp mà Như Lai chứng được, pháp mà Như Lai giảng nói, thì không thật, cũng không dối. Này, Tu-bồ-đề! Như có kẻ vào nhà tối thì không thấy thứ gì. Khi bố thí, tâm Bồ-tát trụ vào vật, cũng như vậy. Này, Tu-bồ-đề! Như người có mắt, đêm tàn, mặt trời vừa chiếu sáng tự thấy hết thủy mọi vật. Khi làm việc bố thí, Bồ-tát không trụ tâm mình vào vật cũng như thế.

**Luận rằng:**

Đây là môn thứ mười ba: Nói về chịu đựng khổ.

Căn cứ vào mười hai điều gây chướng ngại cần lìa bỏ thì đây là lìa bỏ chướng ngại tâm không có khả năng chịu đựng khổ.

Kinh nói: “Này Tu-bồ-đề! Như Lai nói Nhẫn Nhục Ba-la-mật v.v....” Trong đó có hai ý:

1. Có khả năng nhẫn.

2. Lìa bỏ tính không chịu nhẫn.

Có khả năng nhẫn, có ba loại:

1. Như những gì có thể nhẫn.
2. Tướng của nhẫn.
3. Chủng loại nhẫn.

Trong đó, như những gì có thể nhẫn tướng gì sinh nhẫn, như những sai biệt của nhẫn, là chỉ rõ đối trị những nhân duyên đó.

Những gì là có thể nhẫn? Là thấu hiểu pháp Vô ngã. Được chỉ rõ thế nào? Như kinh nói: Như Lai nói Nhẫn Nhục Ba-la-mật tức chẳng phải Nhẫn Nhục Ba-la-mật.

Làm sao biết được tướng của nhẫn? Nếu như có kẻ khác gây ác, hại mình, khi ấy, do mình không có ngã v.v... các tướng, nên không sinh lòng giận dữ oán trách, cũng không ở trong Sằn-đề Ba-la-mật mà sanh ý tướng có ; và ở trong chẳng phải Ba-la-mật mà sinh tướng không. Vì chỉ rõ điều này, kinh nói: Như thuở xưa, Ta bị vua Ca Lợi cắt rời thân thể, khi ấy, ta không có ngã v.v... và các tướng và không có tướng cũng chẳng phải là không có tướng.

Về chủng loại nhẫn, thì có hai thứ:

1. Nhẫn chịu khổ hết mức.
2. Nhẫn chịu khổ liên tục.

Thế nào là nhẫn chịu khổ hết mức? Như kinh nói: “Nầy Tu-bồ-đề! Thuở xưa, khi thân thể Ta bị rời thành nhiều mảnh, nếu có ngã tướng, ắt ta nổi giận. v.v...”

Thế nào là nhẫn chịu khổ liên tục? Kinh nói: Nầy Tu-bồ-đề! Ta nhớ lại thời quá khứ, trải năm trăm đời, làm vị tiên tu nhẫn nhục.v.v...”

Nguyên do không nhẫn là có ba thứ khổ:

1. Khổ do chuyển.
2. Khổ do chúng sinh chống trái.
3. Khổ do đời sống thiếu thốn.

**Kinh nói:** “Cho nên, Nầy Tu-bồ-đề! Khi phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Bồ-tát nên lìa hết thủy tướng”. Đây là chỉ rõ nguyên do đối trị khổ lưu chuyển.

Với việc phát tâm Bồ-đề, mà có ba tướng khổ này ắt sẽ không muốn phát tâm!

Nói : “nên lìa hết thủy tướng v.v...”; Hết thủy tướng là chỉ ba tướng khổ như thế v.v...

Nếu vướng mắc vào sắc v.v... thì bị mê mòi trong khổ lưu chuyển. Do vậy mà tâm Bồ-đề không phát sinh. Cho nên kinh nói: “Không để

tâm trụ vào sắc v.v...” như trước đã nói.

“Không trụ vào phi pháp”, nghĩa là không phải Pháp vô ngã. Đối với phi pháp và pháp Vô ngã đều không thể trụ được. Cho nên để thành tựu, thì không trụ những điều đó.

Nói để ngăn những chấp khác, kinh nói: “Khi tâm phát sinh, nên sinh tâm vô sở trụ...” Tại sao vậy? Vì nếu có tâm trụ, tức chẳng phải trụ.

Kinh nói: Nay “Tu-bồ-đề! Khi làm lợi ích cho toàn thể chúng sinh, thì Bồ-tát nên bố thí như thế v.v... cho đến: “Hết thấy chúng sinh tức chẳng phải chúng sinh”. Câu này chỉ rõ cách nhân chịu đối trị với khổ do chúng sinh chống trái; tức là thực hành sự buông xả đối với hết thấy chúng sinh, được vậy thì không còn lí do để giận họ.

Do không thể tưởng, không có chúng sinh và tưởng chấp (có) chúng sinh lấy đây làm nhân duyên này nên khi chúng sinh trái ngược lại mình, thì sinh ra chán nản mỗi một. Đây là chỉ rõ lí Nhân Vô ngã, pháp Vô ngã.

**Kinh nói:** Nay “Tu-bồ-đề! Như Lai nói là lời chân thật v.v...” Câu này muốn chỉ rõ lý gì? Là muốn cho mọi người tin vào Như Lai mà có thể nhân. Nói là lời chân thật là chỉ rõ tướng trạng Thế đế.

- “Lời Thật”, là chỉ rõ tu hành Thế đế có phiền não và thanh tịnh.

“Thật” có nghĩa là tu hành dứt phiền não và đạt thanh tịnh.

- “Lời Như” là tướng của Đệ nhất nghĩa đế.

- “Lời Không thay đổi” là tu hành Đệ nhất nghĩa đế có tướng phiền não, và thanh tịnh.

Như lai nói lời chân thật v.v... ấy rồi, nếu khởi tâm chấp như tánh ngôn thuyết, vì để ngăn chấp này nên kinh nói: “Tu-bồ-đề! Pháp Như Lai chứng được và pháp Như Lai giảng nói, là lời không thật, cũng không dối”.

- Không thật là như tánh ngôn thuyết chẳng phải có.

- Không dối là không như ngôn thuyết tự tánh là có.

**Kinh nói:** “Tu-bồ-đề! Ví như có người vào nhà tối. v.v...” Câu này chỉ rõ sự chịu khổ, về đời sống thiếu hụt làm nhân duyên đối trị. Nếu vì quả báo mà bố thí, thì trở thành tham đắm sự tương quả báo mà xả thí. Đối với mọi dục lạc rất là ham thích, trong khi thọ hưởng quả ấy sẽ không thể thoát ly! Như người vào nhà tối, lúng túng không biết mình đi tới đâu. Kẻ ham thích dục lạc kia cũng vậy. Nếu bố thí, mà không để tâm mình tham đắm sự tương quả báo, thì như người có mắt, đêm, hết Trời sáng, y sẽ thấy ngay được mọi vật, tùy ý, muốn tới đâu cũng được.

Phải có nhận thức như vậy. Đêm đen vô minh qua rồi, thì mặt trời trí tuệ sẽ xuất hiện, đủ loại cảnh trí như thật thấy rõ. Do không biết cởi bỏ để ra khỏi dục, lạc, khổ thọ, nên kẻ kia cứ đắm trong ham thích, dục lạc.

**Kinh nói:** “Lại nữa, Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ, có khả năng thọ trì, đọc tụng, tu hành pháp môn này, thì họ sẽ được Như Lai biết rõ bằng trí tuệ Phật của mình. Thấy hết, biết rõ hết những người ấy, vì họ đã thành tựu vô lượng vô biên tụ công đức.

Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ buổi sáng đem thân nhiều như cát sông Hằng để bố thí, buổi trưa và buổi chiều cũng lại đem thân nhiều như cát sông Hằng để bố thí, xả bỏ thân nhiều như cát sông Hằng vậy và đem thân bố thí như vậy, trải qua trăm, ngàn vạn ức na do tha kiếp; nhưng nếu có người nghe pháp môn này, với lòng tin, không chế nhạo thì phước kẻ này, vượt trội hơn phước kia, vô lượng A tăng kì, huống gì là biên chép, thọ trì, đọc tụng, tu hành và nói cho người khác biết kinh này. Tu-bồ-đề! Nói tóm lại, có được kinh này thì phước đức vô biên, không thể tính kể, không thể nghĩ bàn. Đây là pháp môn, Như Lai đã vì hàng Đại thừa mà nói, vì những người phát tâm tối thượng thừa mà nói. Nếu có kẻ nào có khả năng thọ trì, đọc tụng, tu hành kinh này hay vì người khác mà giảng nói, thì Như Lai đều biết rõ, vì họ đã tạo được vô lượng vô biên công đức không thể nghĩ bàn, không thể tính kể, không cùng mé. Những người như vậy, có thể gánh vác Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của Như Lai. Tại sao? Nay Tu-bồ-đề! Vì nếu ai ưa thích pháp Tiểu thừa thì không thể thọ trì, đọc tụng, tu hành kinh này, hay giải nói cho kẻ khác được.

Nếu ai còn chấp giữ tướng ngã chúng sinh, người, thọ giả mà có thể thọ trì, đọc tụng, tu hành, giảng nói cho kẻ khác pháp môn này thì không có việc như thế!

Nay Tu-bồ-đề! Bất cứ ở đâu, có kinh này, thì cả thế gian, người, Trời, A-tu-la, đều cúng dường, nên biết, nơi ấy là tháp, phải cung kính, làm lễ, đi vòng quanh, đem hương hoa rải xuống nơi ấy.

- Lại nữa, Tu-bồ-đề! Nếu thiện nam, thiện nữ nào, thọ trì đọc tụng kinh này mà bị người khinh rẻ, là tại sao? Người bị khinh rẻ này, do tội nghiệp đời trước phải đọa vào ác đạo, nên đời này phải bị người ta khinh rẻ; còn những nghiệp tội đời trước ấy, thì đời này sẽ tiêu tan hết, và người này sẽ chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

- Nay Tu-bồ-đề! Ta nhớ quá khứ vô lượng A tăng kì, A tăng kì kiếp, ở trước Phật Nhiên Đăng, Ta đã được gặp tám mươi bốn ức na-do-tha trăm ngàn vạn chư Phật, Ta đều đích thân thờ kính, cúng dường,

không hề bỏ sót.

- Này Tu-bồ-đề! Vô lượng chư Phật như thế, nhưng Ta đều đích thân thờ kính, cúng dường, không bỏ sót. Nếu có người ở đời sau này, đời sau nữa, có khả năng thọ trì, đọc tụng, tu hành kinh này, phước đức mà người ấy có được, đem so với phước đức mà Ta có được do cúng dường chư Phật; thì phước đức của Ta chưa được một phần trăm, một phần ngàn-vạn-ức, cho đến tính toán thí dụ cũng đều không thể lường phước ấy!

- Này Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào ở đời sau, đời sau nữa, có khả năng thọ trì, đọc tụng, tu hành kinh này; thì phước mà họ có được, nếu ta nói đủ ra, thì người nghe đến ắt phải cuồng loạn nghi hoặc, không tin được.

- Này Tu-bồ-đề! Nên biết, pháp môn này là không thể nghĩ bàn, và quả báo của nó cũng không thể nghĩ bàn.

**Luận rằng:**

Đây là môn thứ mười bốn: Lìa bỏ vị tịch tĩnh.

Căn cứ vào mười hai điều gây chướng ngại cần lìa xa, thì đây là lìa bỏ chướng ngại thiếu thốn hành trang trí tuệ.

**Kinh nói:** “Lại nữa, Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào, có khả năng thọ trì, đọc tụng, tu hành kinh này, v.v... thì đây là lìa bỏ việc duyên dựa vào Tam ma đề. Để chỉ rõ sự tương ứng với pháp, nói có năm loại công đức vượt trội:

1. Được Như lai nhớ đến, gần gũi.
2. Thân giữ phước đức.
3. Khen ngợi pháp và tu hành.
4. Chư thiên cúng dường.
5. Diệt trừ tội.

- Được Như Lai nhớ đến, gần gũi là sao? Kinh nói: “Thọ trì, đọc tụng v.v..., Như Lai dùng trí Phật mà biết. Như Lai dùng mắt Phật mà thấy người đó. v.v...” Thọ là luyện, tụng, trì là không quên. Hoặc đọc, hoặc tụng, đây là nói nhân của thọ trì. Vì muốn thọ nên phải đọc, muốn trì nên phải tụng. Lại nữa, đọc là luyện tụng, trì là xét tổng về nghĩa

- Thân giữ phước đức là sao? Kinh nói: “Đều được thành tựu vô lượng vô biên tụ công đức v.v...”

- Sao gọi là khen ngợi pháp và tu hành? Kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Nói tóm lại, kinh này là không thể nghĩ bàn, không thể tính kể được v.v.... Đây là khen ngợi pháp. Câu “Không thể nghĩ” là tự mình biết thôi, “Câu Không thể kể” là không có gì bằng hoặc hơn được.

**Kinh nói:** “Pháp môn này, Như Lai nói cho người phát tâm Đại thừa, nói cho bậc tối thượng thừa”. Đó là thành tựu nghĩa không thể tính kể. Không còn thừa nào hơn được, nên nó là vô thượng. Nó tối thắng là bởi dứt sạch phiền não chướng và trí chướng.

**Kinh nói:** “Nếu ai luôn thọ trì, đọc tụng, tu hành và nói rộng cho ai nấy biết v.v...” thì đấy là khen ngợi tu hành. Câu: “Như Lai thấy biết hết thành tựu vô lượng tụ công đức...” thì đấy là lời nói chung. Câu “Không thể suy nghĩ, không thể kể, không thể lường...” là giải thích. Câu: “Người như thế v.v... có khả năng gánh vác đạo vô thượng Chánh Đẳng Chánh giác của Như Lai”, là gánh lấy gánh nặng (trọng trách) của Bồ-tát.

**Kinh nói:** “Này Tu-bồ-đề! Nếu ai ưa pháp nhỏ, thì không thể thọ trì, đọc tụng, tu hành và giảng nói cho kẻ khác biết về kinh này”. Đấy là chỉ hàng Thanh văn, Độc giác.

**Kinh nói:** “Nếu ai còn chấp tướng ngã v.v...” cho đến ... “không có việc như thế”. Đấy là chỉ cho người còn chấp giữ vào ý niệm ta, người, chúng sinh, mà tự cho mình là Bồ-tát.

- Được Trời cúng dường là sao? Kinh nói: “Này Tu-bồ-đề! Bất cứ ở nơi đâu, có kinh này; thì hết thảy thế gian, Người, Trời, A-tu-la, phải nên cúng dường nơi ấy, v.v... có nghĩa là dùng tràng hoa, hương thấp, hương xông, hương xoa, hương bột, y phục, cờ, phướn, lọng v.v... để cúng dường, phải cung kính lễ bái, đi vòng quanh...” nên gọi đó là Chi Đề (Tháp).

- Diệt trừ là sao? Kinh nói: “Nếu có thiện nam, thiện nữ nào, thọ trì, đọc tụng kinh này mà bị người khác khinh rẻ...” ở đời, có vô số cách nhục mạ, ở đây muốn chỉ rõ điều đó, nên nói là khinh rẻ.

**Kinh nói:** “Sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”, câu này chỉ rõ tội tiêu tan.

Trước đây có nói: Do nhân duyên này, mà phát sinh vô lượng A tăng kỳ phước. Nay sẽ giải thích:

Nghĩa của vô lượng A tăng kỳ là uy lực, là thành tựu rực rỡ. Nhiều có nghĩa là đầy đủ. Kinh nói: “Này Tu-bồ-đề! Ta nhớ lại thời quá khứ trải qua vô lượng A tăng kỳ, A tăng kỳ kiếp v.v...” thì đấy là chỉ rõ uy lực; tức uy lực của phước cao ngời; do hết thảy phước tụ có được đó, nó cao xa tột cùng. A tăng kỳ kiếp đó rồi đến Phật Nhiên Đăng và hơn A tăng kỳ kiếp tức là về trước nữa.

Chính mình hầu hạ là cúng dường vậy.

Không bỏ sót là luôn cúng dường, không hề lia bỏ.

**Kinh nói:** “Nầy Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào, ở đời vị lai và sau nữa, thọ trì, đọc tụng, tu hành kinh này, thì công đức mà họ có được, nếu Ta nói đủ thì người nghe được ắt tâm cuồng loạn”. Câu này chỉ rõ số nhiều. Hoặc vì có nhân điên loạn, hoặc chịu quả là tâm rối loạn. Nên biết, đây là oai lực và là số nhiều của phước đức, đâu ai có thể nói được, nên kinh nói: “Nầy Tu-bồ-đề! Nên biết: Pháp môn này là không thể nghĩ bàn, quả báo cũng không thể nghĩ bàn”. Nghĩa ở đây chỉ rõ thể của phước ấy và quả của nó là không thể lường tính.

**Kinh nói:** “Khi ấy, Tu-bồ-đề thưa với Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Nên trụ như thế nào? Nên tu hành như thế nào? Làm sao để hàng phục tâm mình?”

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác phải sinh tâm như vậy: Ta nên diệt độ hết thủy chúng sinh, khiến toàn thể họ đều bước vào Vô dư Niết-bàn. Như thế, diệt độ hết thủy chúng sinh xong, nhưng không có một chúng sinh nào thực sự được độ cả. Tại sao? Nầy Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát còn có tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả tức không phải Bồ-tát. Tại sao? Nầy Tu-bồ-đề! Thật không có pháp nào gọi là Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cả”.

**Luận rằng:**

Đây là môn thứ mười lăm: Khi chứng đạo, lìa xa mọi mừng vui loạn động.

Căn cứ vào mười hai điều chướng ngại cần lìa bỏ, thì đây là lìa bỏ chướng ngại tự giữ lấy.

**Kinh nói:** “Tu-bồ-đề thưa với Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ-tát nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như thế nào? Nên trụ và tu hành như thế nào? v.v...” Tại sao trước hết lại hỏi về thời gian bắt đầu phát tâm? vì Bồ-tát sắp bước vào chứng đạo, thấy mình đã được địa vị cao tự nghĩ như vậy: “Ta đã trụ như thế, tu hành như thế, làm chủ tâm như thế. Ta diệt độ cho chúng sinh...” Để đối trị điều này, Tu-bồ-đề mới hỏi vào lúc ấy, nên trụ ra sao, nên tu như thế nào, nên làm chủ tâm bằng cách nào, và đức Thế Tôn đáp: “Phải nên sinh tâm như thế v.v...”.

Lại nữa, kinh nói: “Nầy Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát có nghĩ đến chúng sinh v.v...” là chỉ rõ Bồ-tát còn ngã chấp thủ hoặc tùy miên. Nếu nói “ta chính đang hạnh Bồ-tát thừa”, thì đó là chấp ngã.

Để đối trị việc này, kinh nói: “Nầy Tu-bồ-đề! Thật không có pháp nào gọi là Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cả”.

**Kinh nói:** “Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Ở chỗ Phật Nhiên Đăng,

Như Lai có pháp để được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không? Tu-bồ-đề bạch Phật: Dạ không, thưa Thế Tôn! Như con hiểu nghĩa Phật nói, thì khi ở chỗ Phật Nhiên Đăng, Như Lai không có pháp nào để được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cả.

Phật nói: Đúng lắm! Đúng lắm! Này Tu-bồ-đề! Thật đúng là chẳng có pháp nào. Ở chỗ Phật Nhiên Đăng, nếu thật Như Lai có pháp để được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì Phật Nhiên Đăng đã không thọ kí cho Ta là: Ở đời sau, thầy sẽ thành Phật hiệu Thích Ca Mâu Ni. Bởi thật sự không có pháp để được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho nên Phật Nhiên Đăng mới thọ kí cho Ta mà nói như vậy: Này Ma Na Bà (Thiếu niên tịnh hạnh) người sẽ thành Phật ở đời sau, hiệu là Thích Ca Mâu Ni. Tại sao vậy?

- Này, Tu-bồ-đề! Nói Như Lai là thật chân như.

- Này Tu-bồ-đề! Như có người nói: Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì kẻ ấy nói lời không thật.

- Này Tu-bồ-đề! Thật không có pháp để Phật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

- Này Tu-bồ-đề! Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà Như Lai được, việc đó chẳng phải là thật cũng chẳng phải là dối. Cho nên Như Lai nói hết thảy pháp đều là Phật pháp.

- Này Tu-bồ-đề! Những gì gọi là hết thảy pháp, hết thảy pháp ấy tức chẳng phải là hết thảy pháp, cho nên mới gọi là hết thảy pháp.

**Luận rằng:**

Đây là môn thứ mười sáu: Vì mong cầu được truyền dạy.

Căn cứ vào mười hai điều gây chướng ngại cần lìa xa, thì đây là lìa bỏ chướng ngại không có dạy bảo truyền trao. Kinh nói: “Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Ở chỗ Phật Nhiên Đăng, Như Lai có pháp nào, để được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không? v.v...” Kinh lại nói: “Nếu có pháp nào, để Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì Phật Nhiên Đăng đã không thọ kí cho Ta là đời sau người sẽ thành Phật, hiệu Thích Ca Mâu Ni. V.v...” Câu đó có ý gì? Nếu pháp Bồ-đề có thể nói, thì như những gì mà Như Lai Nhiên Đăng đã nói, và ta ngay khi ấy, đã được Bồ-đề, Nhiên Đăng Như Lai không thọ kí, bảo Ta sẽ thành Phật v.v... Vì pháp đó là không thể nói, nên ngay khi ấy, Ta không được Bồ-đề. Cho nên Đức Nhiên Đăng mới phải thọ kí cho Ta. Đây là ý nghĩa, nên biết.

Lại nữa, tại sao pháp ấy không thể nói? Kinh nói: “Này Tu-bồ-đề! Như Lai đúng thật là Chân như”. Như thanh tịnh, nên gọi là Như Lai. Vì



Như, nên không thể nói, nên mới tạo cách nói này. Thanh tịnh như thật nên gọi là Chân như, giống như vàng ròng. Có người nói: Ở chỗ Phật Nhiên Đăng, đối với Pháp, Như Lai không được Bồ-đề. Mãi về sau này, Thế Tôn mới tự được Bồ-đề.

Để lia bỏ chấp này, kinh nói: “Này, Tu-bồ-đề! Nếu có người nói, Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì người này nói lời không thật”.

Lại nữa, kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà Như Lai được; điều này nói ra, cũng không thật, cũng không dối”. Đây là chỉ rõ chân như không hai. Tại sao không thật? Bởi vì còn ngôn thuyết không dối là vì quả Bồ-đề kia, thế gian đều nói đến. Kinh nói: Cho nên Như Lai nói: “Hết thấy pháp đều là Phật pháp”. Câu này có nghĩa gì? Nó làm sáng tỏ mọi pháp đều là pháp Như thanh tịnh. Như là trùm khắp hết thấy pháp. Đó là nghĩa của nó.

Lại nữa, Thế của hết thấy mỗi pháp ấy là không thành tựu. Để an lập Đệ nhất nghĩa, Kinh nói: “Này Tu-bồ-đề! Những gì gọi là hết thấy pháp, hết thấy pháp ấy, tức chẳng phải hết thấy pháp; đó gọi là hết thấy pháp”.

